TOÀ ÁN NHÂN DÂN TPTN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 41/2021/QĐST-DS	*Thái Nguyên, ngày 17 tháng 09 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Căn cứ vào Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 193/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2020 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

1.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1947

Đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1980;

Đều trú tại: Xóm Đồng Xe, xã S, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Thịnh, sinh năm 1977

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Văn Đức, sinh năm 1968

Đều trú tại: Xóm Đồng Xe, xã S, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1980
- Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1975

Đều trú tại: Xóm Đồng Xe, xã S, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1971

Địa chỉ: Phường T, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Đại diện theo ủy quyền của chị N: Anh Nguyễn Mạnh T

Trú tại: Xóm Đồng X, xã S, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh Tnhất trí trả cho hộ bà Phạm Thị T tổng diện tích đất 49,8m^2, trong đó: 16,5m^2 đất (theo sơ đồ trích đo hiện trạng có ký hiệu 4567894) thuộc thửa đất số 100, tờ bản đồ 27; 19,8m^{2}đất (theo sơ đồ trích đo hiện trạng có ký hiệu 6,7,13,14,6) thuộc thửa đất 101, tờ bản đồ 27; 13,6m^2 đất (theo sơ đồ trích đo hiện

trạng có ký hiệu 13,14,21,22,15,13) thuộc thửa đất 124, tờ bản đồ số 27, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U435237 mang tên hộ bà Phạm Thị T do UBND huyện Phú Lương cấp ngày 25/09/2009 (Có sơ đồ kèm theo).

Anh Thịnh tự nguyện tháo dỡ tường xây trên đất có chiều dài 41,35m^2.

2.2. Về chi phí tố tụng: Bà Phạm Thị T và anh Tcùng nhận nộp 12.600.000đ (mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản. Bà Phạm Thị T đã tạm nộp tiền chi phí này nên anh Tnhất trí trả cho bà Phạm Thị T số tiền 6.300.000đ (sáu triệu ba trăm nghìn đồng).

2.3 Về án phí dân sự sơ thẩm: Diện tích đất 49,8m^2 có giá trị 4.482.000đồng nên tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng. Do các đương sự thỏa thuận được với nhau và cùng yêu cầu Tòa án công nhận nên hai bên cùng phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đồng. Miễn nộp số tiền 150.000đồng án phí dân sự cho bà Phạm Thị T do bà Thảo là người cao tuổi; anh Tphải nộp 150.000đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

Hoàn trả bà Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0003931 ngày 28/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSNDTPTN;
- THADSTPTN;
- Các đ- ơng sự;
- L- u Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thanh Nhàn